



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 9 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng đo lường
Laboratory: *Measurement department*

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Hà Nội
Organization: *Hanoi Center of Industrial Safety Inspection*

Số hiệu/ Code: VILAS 989

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Đo lường – Hiệu chuẩn
Field: *Measurement - Calibration*

Người quản lý/
Laboratory manager: Tạ Văn Hưng

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày / 9 / 2026 đến ngày / 9 / 2031

Địa chỉ: Số 144 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
Address: *No. 144 Tran Phu, Ha Dong ward, Hanoi city*

Địa điểm: Số 144 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
Location: *No. 144 Tran Phu, Ha Dong ward, Hanoi city*

Điện thoại/ Tel: 024.33560257

Email: ttkd_sonv@kdhn.vn

Website: www.kdhn.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 989

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Áp suất

Field of calibration: Pressure

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số (x) <i>Pressure and vacuum gauge with digital and dial indicating type</i>	(-1 ~ 0) bar	ĐLVN 76:2001	0,0049 bar
		(0 ~ 3) bar		0,0050 bar
		(3 ~ 25) bar		0,02 bar
		(25 ~ 400) bar		0,11 bar

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt độ

Field of calibration: Temperature

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự (x) <i>Digital and analog thermometers</i>	(-20 ~ 50) °C	QTHC.02.NK.HN (2026)	0,64 °C
		(50 ~ 350) °C		0,42 °C
2	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ hiện số và tương tự (x) <i>Digital and analog temperature indicator</i>	Loại/Type Pt100 Ohm (-200 ~ 800) °C	ĐLVN 160:2005	0,47 °C
		Loại/Type TC-K (-200 ~ 1200) °C		0,81 °C
		Loại/Type TC-S (0 ~ 1600) °C		0,81 °C
3	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhúng một phần) (x) <i>Liquid in glass thermometer (Partial immersion)</i>	(50 ~ 150) °C	ĐLVN 137:2004	1,1 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 989

Ghi chú/ Note:

- (x): Phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường/ *On-site calibrations*;
- QTHC...: Quy trình hiệu chuẩn nội bộ/ *Laboratory's developed procedures*
- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Vietnam technical measurement document*
- ⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*
- Trường hợp Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Hà Nội cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Hà Nội phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Hanoi Technical Safety Registration Centre that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

